

BÀI TẬP NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

Bài tập 1: Doanh nghiệp Nhật Quang đầu kỳ kinh doanh có các số liệu sau:

TÀI SẢN (2400)		NGUỒN VỐN (2400)	
TK1111	400	TK311	200
TK1121	740	TK338	30
TK133	40		
TK156	120		
TK211	1200	TK411	2100
TK214	(100)	TK421	70

Trong kỳ kinh doanh có các nghiệp vụ kinh tế sau:

NV1: Mua ngoại tệ bằng tiền gửi ngân hàng số tiền: 45.000USD (tỷ giá mua ngoại tệ là 16.000 USD).

NV2: Ký quỹ ngân hàng mở LC số tiền là 42.000USD

NV3: Nhận được thông báo của ngân hàng đã trả tiền cho người bán và nhận về chứng từ. (Tỷ giá giao dịch là 16050). (Hàng mua đang đi đường / Trừ vào số tiền ký quỹ)

NV4: Chi phí vận tải hàng hoá quốc tế: 400USD trả bằng TGNH & Chi phí bảo hiểm hàng hoá quốc tế là: 100USD trả bằng TGNH. (tỷ giá giao dịch 16100)

NV5: Làm thủ tục nhận hàng: Tỷ giá giao dịch 16100

- Thuế Nhập khẩu phải nộp: 20% theo giá CIF trả ngay bằng tiền mặt

- Thuế GTGT phải nộp: 10% trả bằng tiền mặt

NV6: Lệ phí ngân hàng 500.000VNĐ trả bằng tiền mặt

NV7: Chi phí vận chuyển nội địa là 4tr + thuế GTGT 5% trả bằng tiền mặt

NV8: Bán lô hàng nhập khẩu với giá vốn là 600tr, giá bán là 680tr. Người mua chưa trả tiền.

NV9: CP trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr trả bằng tiền mặt + trích CP khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

NV10. CP trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr trả bằng tiền mặt + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Yêu cầu:

- + Định khoản
- + Ghi chép vào TK chữ T
- + Kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh
- + Lập bảng cân đối số phát sinh.

Bài làm:

NV1: Mua ngoại tệ bằng tiền gửi ngân hàng số tiền: 45.000USD (tỷ giá mua ngoại tệ là 16.000 USD).

Nợ TK1122: $45.000\text{USD} \times 16.000 \text{ (TGGD)} = 720\text{tr}$

Có TK1121: 720tr

(Nợ TK007: 45.000USD)

NV2: Ký quỹ ngân hàng mở LC số tiền là 42.000USD

Nợ TK144: 672 tr

Có TK1122: $42.000\text{USD} \times 16000 = 672\text{tr}$

(Có TK007: 42.000USD)

NV3: Nhận được thông báo của ngân hàng đã trả tiền cho người bán và nhận về chứng từ. (Tỷ giá giao dịch là 16050). (Hàng mua đang đi đường / Trừ vào số tiền ký quỹ)

Nợ TK151: 674,1tr

Có TK144: 672tr

Có TK515: 2,1tr

NV4: Chi phí vận tải hàng hoá quốc tế: 400USD trả bằng TGNH & Chi phí bảo hiểm hàng hoá quốc tế là: 100USD trả bằng TGNH. (tỷ giá giao dịch 16100)

Nợ TK1562: $500\text{USD} \times 16100 = 8,05\text{tr}$

Có TK1122: $500 \times 16.000 = 8\text{tr}$

Có TK515: 0,05tr

(Có TK007: 500USD)

NV5: Làm thủ tục nhận hàng: Tỷ giá giao dịch 16100

- Thuế Nhập khẩu phải nộp: 20% theo giá CIF trả ngay bằng tiền mặt

Giá trị chịu thuế NK là: $42.000 + 500 = 42.500$ (Giá Mua + CP vận chuyển + CP Bảo hiểm)

Thuế NK phải nộp = Giá trị chịu thuế NK x Thuế suất thuế NK = $42.500 \times 16.100 \times 20\% = 136,85\text{tr}$

Nợ TK151: 136,85tr

Có TK3333: 136,85tr

- Thuế GTGT phải nộp: 10% trả bằng tiền mặt

Giá trị chịu thuế GTGT = Giá mua + CP vận tải, bảo hiểm + Thuế NK=

$42.500 \times 16.100 + 136,85\text{tr} = 821,1 \text{ tr}$

Nợ TK133: 82,11tr

Có TK3331: 82,11tr

Nộp thuế bằng TM

Nợ TK3333: 136,85tr

Nợ TK3331: 82,11tr

Có TK1111: 218,96 tr

Hàng hoá nhập kho:

Nợ TK156: 810,95tr

Có TK151: 674,1tr + 136,85

NV6: Lệ phí ngân hàng 500.000VNĐ trả bằng tiền mặt

Nợ TK1562: 0,5tr

Có TK1111: 0,5tr

NV7: Chi phí vận chuyển nội địa là 4tr + thuế GTGT 5% trả bằng tiền mặt

Nợ TK1562:4tr

Nợ TK133: 0,2tr

Có TK1111: 4,2tr

NV8: Bán lô hàng nhập khẩu với giá vốn là 600tr, giá bán là 680tr. Người mua chưa trả tiền.

Nợ TK131:680tr

Có TK511: 680tr

Nợ TK632: 600tr

Có TK156: 600tr

NV9: CP trả lương cho bộ phận bán hàng là 8tr trả bằng tiền mặt + trích CP khấu hao bộ phận bán hàng là 1tr

Nợ TK6411:8tr

Có TK334: 8tr

Nợ TK334: 8tr

Có TK1111: 8tr

Nợ TK6414:1tr

Có TK214: 1tr

NV10. CP trả lương cho bộ phận quản lý là 12tr trả bằng tiền mặt + trích chi phí khấu hao bộ phận quản lý là 4tr.

Nợ TK6421:12tr

Có TK334: 12tr

Nợ TK334: 12tr

Có TK1111: 12tr

Nợ TK6424:4tr

Có TK214: 4tr

Tài khoản chữ T:

Nợ	TK1111	Có	Nợ	TK112	Có	Nợ	TK133	Có
ĐK 400			ĐK 740			ĐK 40		
	218,96 (5)			680		82,11 (5)		
	0,5 (6)					0,2 (7)		
	4,2 (7)							
	8 (9)		CK 60			CK		
CK 156,34	12 (10)					122,31		

Nợ	TK1121	Có	Nợ	TK1122	Có	Nợ	TK131	Có
ĐK 740			ĐK 0			ĐK 0		
	720 (1)		720 (1)	672 (2)		680 (8)		
				8 (4)				
CK 20			CK 40			CK 680		

Nợ	TK151	Có	Nợ	TK156	Có	Nợ	TK144	Có
ĐK 0			ĐK 120			ĐK 0		
674,1 (3)	810,95 (5)		8,05 (4)	600 (8)		672 (2)	672 (3)	
136,85 (5)			810,95 (5)					
CK 0			0,5 (6)			CK 0		

			4 (7) CK: 343,5					
Nợ	TK333	Có	Nợ	TK311	Có	Nợ	TK334	Có
	ĐK 0			ĐK 200			ĐK 0	
136,85 (5)	136,85 (5)					8 (9)	8 (9)	
82,11 (5)	82,11 (5)			CK 200		12 (10)	12 (10)	
	CK 0						CK 0	
Nợ	TK214	Có	Nợ	TK338	Có	Nợ	TK411	Có
	ĐK 100			ĐK 30			ĐK 2100	
	1 (9)							
	4 (10)			CK 30			CK 2100	
	CK 105							
Nợ	TK421	Có						
	ĐK 70							
	57,15							
	CK 127,15							

Tài khoản xác định kết quả kinh doanh:

Nợ	TK632	Nợ	TK911	Có	Nợ	TK511
Có					Có	
600 (8)					680 (8)	
Nợ	TK641				Nợ	TK515
Có					Có	
8 (9)					2,1 (3)	
1 (9)					0,05 (4)	